TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Hồ Thị Mai Hương**
Ông **Phạm Phước Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Huỳnh Minh K, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2017; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 27/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị N và anh K kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Cao Lãnh ngày 09/5/2012. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K thường xuyên cờ bạc ăn chơi, không phụ giúp chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm, trong thời

gian này không ai có ý hàn gắn tình cảm. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mỹ N, sinh ngày 09/02/2012 và Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 04/12/2014 hiện đang sống chung với anh K. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu Mỹ H, đồng ý để anh K nuôi cháu Mỹ N, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Đối với bị đơn là anh Huỳnh Minh K đã được được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn Huỳnh Minh K – Dương Thị N, ngày đăng ký 05/9/2012, do UBND xã An Bình, huyện Cao Lãnh cấp (Bản chính);

- Giấy khai sinh Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 04/12/2014 (Bản sao);

- Giấy khai sinh Huỳnh Thị Mỹ N, sinh ngày 09/02/2012 (Bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 11/12/2017 và đã thông báo cho các đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Dương Thị N có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh K. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản"*.

Anh Huỳnh Minh K là người bị kiện có địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Anh Huỳnh Minh K mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Cao Lãnh ngày 09/5/2012. Xét thấy hôn

nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp, chị N yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã trầm trọng, không ai quan tâm nhau, vợ chồng đã ly thân nhưng không ai có ý hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị N.

- Về con chung: Chị N và anh K có Huỳnh Thị Mỹ N và Huỳnh Thị Mỹ H. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu Mỹ H, đồng ý để anh Khanh nuôi cháu Mỹ N, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là căn cứ điều kiện chăm sóc con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị N cho rằng có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc con chung tên Mỹ H. Đối với con chung tên Mỹ N sống với anh K cũng đang phát triển rất tốt. Do đó, yêu cầu của chị N là tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N.

Anh K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Mỹ N, sinh ngày 04/12/2012 và giao con chung Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 09/02/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Dương Thị N và anh Huỳnh Minh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị N trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[3]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai số 16396 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Dương Thị N.

Về hôn nhân: Chị Dương Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Minh K.

Về con chung:

Chị Dương Thị N được nuôi con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 04/12/2014. Anh Huỳnh Minh K được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Mỹ N, sinh ngày 09/02/2012. Anh K và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Dương Thị N và anh Huỳnh Minh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai số 16396 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Trần Văn Đô